

# NGUỒN NHÂN LỰC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG NHẪM ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

LÊ VĂN PHỤC  
Học viện Chính trị khu vực III

Nhận bài ngày 05/9/2025. Sửa chữa xong 25/9/2025. Duyệt đăng 07/10/2025.

## Abstract

*This article analyzes the impact of climate change on sustainable economic development in the South Central Coastal region, examines the current status of climate change response in sustainable economic development, and identifies the challenges related to human resource development. Based on this analysis, the paper proposes several solutions to develop human resources capable of meeting the demands of sustainable economic growth while effectively responding to climate change in the South Central Coastal provinces in the near future.*

**Keywords:** Climate change, development, human resources, South Central Coast, sustainability.

## 1. Đặt vấn đề

Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có vị trí đặc biệt quan trọng, vừa là không gian kinh tế biển năng động, vừa là tuyến phòng thủ chiến lược về quốc phòng - an ninh của đất nước. Tuy nhiên, khu vực này cũng là một trong những nơi chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu (BĐKH). Bão, lũ quét, hạn hán, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển diễn ra ngày càng khốc liệt, làm gián đoạn sản xuất nông nghiệp, thủy sản, du lịch và gây thiệt hại lớn cho hạ tầng kinh tế - xã hội. Những tác động đó khiến quá trình phát triển của vùng tiềm ẩn nhiều rủi ro, tính bền vững chưa được bảo đảm. Do vậy, phát triển kinh tế tại đây phải gắn chặt với chiến lược ứng phó BĐKH không chỉ ở tầm vĩ mô mà ngay cả trong từng lĩnh vực sản xuất, từ quy hoạch đô thị ven biển, quản lý tài nguyên nước đến chuyển đổi sinh kế cho người dân. Trong các giải pháp đặt ra, phát triển nguồn nhân lực (NNL) có ý nghĩa then chốt: cần đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân lành nghề am hiểu công nghệ xanh, năng lực dự báo, quản trị rủi ro thiên tai cũng như cộng đồng dân cư có nhận thức và kỹ năng ứng phó. Đây chính là nền tảng để bảo đảm cho vùng vừa phát triển kinh tế, vừa thích ứng hiệu quả với BĐKH.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế bền vững ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

Trong quá trình phát triển kinh tế, trong thời đại ngày nay các quốc gia trên thế giới đều hướng đến xu hướng phát triển bền vững. Phát triển kinh tế bền vững thường bao gồm tính bền vững của các yếu tố: tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mức độ bình đẳng trong việc thụ hưởng thành quả phát triển kinh tế, thể hiện ở một số khía cạnh: 1) Duy trì phát triển trong "thời gian dài" (hay tính liên tục). Thực tế cho thấy, nền kinh tế của một số quốc gia hay địa phương có có tốc độ tăng trưởng khá cao, đời sống nhân dân được cải thiện khá rõ rệt nhưng chỉ duy trì trạng thái đó một thời gian ngắn và sau đó tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm dần thì không thể gọi là phát triển kinh tế bền vững; 2) Phát triển phải dựa trên yếu tố "năng lực nội sinh" của nền kinh tế như NNL chất lượng cao, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên... và ít bị phụ thuộc bởi những điều kiện bên ngoài; 3) Tính bền vững trong phát triển kinh tế còn thể hiện ở việc ít bị tác động ảnh hưởng

Email: lephuchv3@gmail.com

bởi các yếu tố khách quan bên ngoài, trong đó có sự ảnh hưởng đậm nét của ô nhiễm môi trường và BĐKH.

Việt Nam được xác định là một trong những quốc gia chịu nhiều tác động bởi BĐKH. Sự gia tăng mức độ phơi bày trước hiểm họa của con người và tài sản là nguyên nhân chính của sự gia tăng thiệt hại kinh tế dài hạn do thiên tai liên quan đến thời tiết và khí hậu (IMHEN và UNDP, 2015) [1, tr. 19]. Trong những năm gần đây Việt Nam nói chung và vùng Duyên hải Nam Trung bộ nói riêng chịu sự tác động rất lớn của BĐKH, thường xuyên bị thiệt hại do BĐKH và các hiện tượng thời tiết cực đoan gây ra. Hiện tượng mưa lớn hay gây ra hiện tượng lũ lụt, lũ quét, hiện tượng áp thấp nhiệt đới và bão gia tăng về tần suất, cường độ, mức độ khắc nghiệt khó dự báo và khống chế sự ảnh hưởng. Hàng năm, các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ phải hứng chịu 4 - 6 cơn bão lớn nhỏ. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ vốn nắng nóng, những năm gần đây với BĐKH còn làm gia tăng thêm nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn. Tình trạng hạn hán và thiếu nước xảy ra thường xuyên trong mùa khô, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất kinh tế của các địa phương. Do nắng nóng và giảm lượng mưa hàng năm, dòng chảy tại các sông ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ bị suy giảm nghiêm trọng khiến cho hiện tượng xâm nhập mặn ngày càng lan rộng và tiến sâu vào đất liền. Vào mùa đông khí hậu giảm xuống bất thường, rét đậm hơn so với trước đây đang là vấn đề hiện hữu thường xuyên ở Vùng này... Những hiện tượng BĐKH đó đã tác động lớn, gây ra những thiệt hại lớn về kinh tế đối với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, cụ thể:

#### *2.1.1. Đối với lĩnh vực nuôi trồng và khai thác thủy hải sản*

Nhiệt độ nước biển tăng lên làm thay đổi quá trình sinh trưởng, phân bố và số lượng của nhiều loài hải sản. Một số loài có giá trị kinh tế cao có xu hướng di cư sang vùng biển khác khiến nguồn lợi tại chỗ suy giảm, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của ngư dân. Sự thay đổi mô hình mưa và độ mặn trong nước biển gây xáo trộn hệ sinh thái, làm suy giảm chất lượng môi trường sống tự nhiên của thủy sản. Điều này không chỉ làm chậm quá trình sinh trưởng mà còn làm giảm sức đề kháng, khiến hải sản và vật nuôi thủy sản dễ mắc bệnh, nguy cơ bùng phát dịch bệnh ngày càng lớn. Bên cạnh đó, mưa bão và áp thấp nhiệt đới xảy ra với tần suất cao gây cản trở hoạt động khai thác xa bờ, ngư dân khó ra khơi hoặc buộc phải rút ngắn thời gian đánh bắt, dẫn đến giảm sản lượng và hiệu quả kinh tế. Ngoài ra, việc bảo quản, chế biến và vận chuyển thủy sản cũng gặp khó khăn do cơ sở hạ tầng bị ảnh hưởng, khiến chuỗi cung ứng thủy sản dễ bị gián đoạn.

#### *2.1.2. Đối với kinh tế hàng hải, vận tải biển*

Bão lũ và các hiện tượng thời tiết cực đoan tác động trực tiếp đến giao thông và vận tải biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ. Khi bão xuất hiện, hoạt động hàng hải buộc phải tạm dừng hoặc hạn chế để đảm bảo an toàn, kéo theo việc vận chuyển hàng hóa bị gián đoạn. Điều này không chỉ gây chậm trễ trong chuỗi cung ứng mà còn ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của hàng hóa xuất nhập khẩu, đặc biệt với các mặt hàng cần giao đúng thời gian như thủy sản tươi sống, nông sản hoặc nguyên liệu sản xuất. Các cơn bão lớn còn khiến cảng biển bị phong tỏa, tàu thuyền phải neo đậu ngoài khơi lâu hơn, dẫn tới chi phí nhiên liệu, nhân công, bảo quản hàng hóa gia tăng, gây tổn thất lớn cho doanh nghiệp vận tải và logistics. Mặt khác, mực nước biển dâng và tình trạng xói lở bờ biển không chỉ làm hư hại cơ sở hạ tầng mà còn giảm năng lực khai thác của các tuyến vận tải biển.

#### *2.1.3. Đối với phát triển kinh tế du lịch*

Biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến các hệ sinh thái tự nhiên và tài nguyên du lịch, gồm cả bãi biển, công trình kiến trúc, di tích lịch sử và các địa danh du lịch khác. Sự suy giảm hoặc mất mát tài nguyên du lịch do BĐKH có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm du lịch hiện có và gây khó khăn trong việc phát triển các sản phẩm du lịch mới. Hoạt động du lịch phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết. Các BĐKH như hiện tượng thời tiết bất thường và cực đoan đã diễn ra ngày càng tăng với tần suất cao hơn và cường độ mạnh hơn, ảnh hưởng tiêu cực đến việc di chuyển và nhu cầu du lịch của du khách; ngoài ra, các điều kiện thời tiết không ổn định có thể làm giảm sự hấp dẫn của các tour du lịch.

#### 2.1.4. Đối với phát triển công nghiệp

Sự tăng nhiệt độ có thể làm tăng nhu cầu năng lượng trong các ngành công nghiệp, làm tăng chi phí thông gió, làm mát và làm giảm hiệu suất, sản lượng của các nhà máy điện [1, tr. 27]. Ngoài ra, BĐKH và cụ thể là mực nước biển dâng có thể làm tăng nguy cơ ngập lụt các khu công nghiệp ven biển của vùng. Mặt khác, BĐKH có thể gây ra sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp ven biển. Thời tiết cực đoan như bão và sóng biển mạnh có thể làm trễ hoặc ngừng giao hàng và xuất nhập khẩu hàng hóa cũng như giảm sản lượng của các vùng nguyên liệu đặc biệt là thủy sản và nông nghiệp của vùng, tạo ra thách thức trong việc quản lý nguồn cung cấp và giá cả và mức độ cạnh tranh trong sản xuất công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo ở vùng. Ngoài ra, BĐKH còn tác động tiêu cực đến sự phát triển các ngành kinh tế khác như: vực khai thác, chế biến dầu khí; khai thác khoáng sản; phát triển năng lượng tái tạo...

Như vậy, BĐKH ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trên nhiều khía cạnh, lĩnh vực, ngành, nghề. Theo đánh giá của trong Nghị quyết của Bộ Chính trị số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 "Về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" thì: "Kinh tế tăng trưởng bình quân 7,3%/năm giai đoạn 2005-2020, cao hơn mức trung bình cả nước. Quy mô kinh tế của vùng năm 2020 (theo giá hiện hành) tăng gấp 9,1 lần so với năm 2004, chiếm 14,5% GDP cả nước; GRDP bình quân đầu người đạt mức 56,9 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ và công nghiệp là chủ đạo; một số ngành kinh tế cơ bản, nhất là các ngành kinh tế biển, các ngành có giá trị gia tăng cao được hình thành và phát triển; du lịch dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Thu ngân sách tăng khá, một số địa phương đã cân đối được ngân sách và có điều tiết về Trung ương. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch đạt được nhiều kết quả tích cực. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông và đô thị được cải thiện. Công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên được chú trọng; bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH được tăng cường" [2, tr. 1]. Tuy nhiên, Nghị quyết cũng chỉ ra những hạn chế: "Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ vẫn là vùng có chỉ số phát triển ở nhiều lĩnh vực thấp hơn mức trung bình cả nước. Tiềm năng, lợi thế của vùng, nhất là kinh tế biển chưa được khai thác hợp lý và phát huy hiệu quả. Quy mô kinh tế vùng còn nhỏ, GRDP bình quân đầu người thấp. Tăng trưởng kinh tế chưa thực sự bền vững, chất lượng và năng lực cạnh tranh chưa cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, chưa có đột phá. Hiệu quả hoạt động các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cụm công nghiệp chưa cao, tỉ lệ lấp đầy còn thấp. Các khu kinh tế ven biển, cảng biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế" [2, tr. 1].

#### 2.2. Ứng phó với biến đổi khí hậu trong phát triển kinh tế bền vững ở vùng Duyên hải Nam Trung bộ - thực trạng và vấn đề đặt ra đối với phát triển nguồn nhân lực

Tại Việt Nam, các chính sách ứng phó với BĐKH đã được cải thiện trong thập kỷ vừa qua. Các hoạt động quốc gia ứng phó với BĐKH đã được khởi động từ cuối thập niên 1990 và dẫn tới sự ra đời của Báo cáo Quốc gia đầu tiên theo Công ước khung về BĐKH của Liên hợp quốc (năm 2003).

Từ năm 2008, các hoạt động ứng phó với BĐKH đã được chú trọng và phát triển nhanh chóng. Việt Nam đã ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH (Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 và số 1183/QĐ-TTg ngày 30/12/2012 cho giai đoạn 2012-2015), Chiến lược quốc gia về BĐKH (Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011, số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022) và Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh (Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/12/2012). Các chiến lược này là cơ sở hình thành bộ khung chung trong ứng phó với BĐKH và các vấn đề liên quan. Bên cạnh đó, nhiều chính sách liên quan khác như "Chiến lược quốc gia về phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, đến năm 2020 (Chiến lược phòng chống thiên tai, 2007)", "Luật về phòng chống thiên tai (2013)", "Chiến lược phát triển rừng quốc gia giai đoạn 2011-2020 (2012)", "Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030".

Trong Điều 63, Hiến pháp năm 2013 xác định trách nhiệm của Nhà nước chủ động phòng, chống

thiên tai, ứng phó với BĐKH. Điều này thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta đến ứng phó với BĐKH. Các Luật liên quan trực tiếp như Luật Khí tượng thủy văn (2015), Luật Bảo vệ môi trường (2020) đều dành hẳn một chương riêng để cập đến nội dung BĐKH. Bên cạnh đó, nội dung ứng phó với BĐKH được thể hiện trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển một số ngành, lĩnh vực thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược. Trong Văn kiện Đại hội XIII, Đảng ta xác định: “Chủ động thích ứng có hiệu quả với BĐKH, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường” [5, tr. 116-117].

Vi vậy, để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH, các tỉnh/thành phố vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đã xây dựng và ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH. Các địa phương đã đi sâu đánh giá tác động tiêu cực của BĐKH đến các ngành, lĩnh vực cụ thể dựa theo cơ sở khoa học của kịch bản BĐKH, nước biển dâng được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Dựa trên kết quả đánh giá tác động của BĐKH, các kế hoạch này đã đưa ra nhiều giải pháp chi tiết cho từng ngành, lĩnh vực nhằm thích ứng với BĐKH. Trên cơ sở kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH, các địa phương đã đề xuất nhiều nhiệm vụ ứng phó với BĐKH, trong đó có các nhiệm vụ mang tính chất của chính sách đặc thù ứng phó với BĐKH.

Về nội dung các nhiệm vụ ứng phó với BĐKH, các địa phương đã tập trung vào một số lĩnh vực trọng yếu như: tài nguyên và môi trường, nông nghiệp, giao thông vận tải, y tế và sức khỏe cộng đồng, xây dựng và quản lý đô thị, công nghiệp và năng lượng, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Trong đó, các nhiệm vụ chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực: nông nghiệp, tài nguyên và môi trường và y tế.

Việc các địa phương chủ động ban hành và thực thi các chính sách cũng như chủ động đề xuất các nhiệm vụ ứng phó với BĐKH là một bước tiến quan trọng, góp phần nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH của các địa phương vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Ứng phó với BĐKH tại vùng ngày càng được quan tâm và đã thu được kết quả cụ thể. Từng mặt ứng phó với BĐKH đã được chú ý và được giải quyết tốt hơn, đặc biệt là phòng chống mưa bão, xây nhà vượt ngập lũ, thay đổi cơ cấu mùa vụ để tránh thiên tai, xây dựng công trình trú bão... Người dân và doanh nghiệp có ý thức hơn đối với ứng phó với BĐKH, từng bước chủ động phòng chống thiên tai, các tổ chức chính trị - xã hội tích cực tham gia vào cuộc nên ứng phó với BĐKH được quán triệt hơn. Tuy nhiên, thực tế cho thấy chính sách ứng phó với BĐKH tại vùng Duyên hải miền Trung vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập và chưa đáp ứng yêu cầu. Đối với toàn vùng hiện chưa có chính sách riêng biệt, đủ mạnh và toàn diện được ban hành nhằm ứng phó với BĐKH. Trong quy hoạch phát triển vùng Duyên hải miền Trung giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã có đề cập đến chính sách ứng phó với BĐKH của vùng, tuy nhiên nhiều nội dung không theo kịp xu hướng và diễn biến của BĐKH.

Nguồn lực, đặc biệt là NNL cần thiết để ứng phó với BĐKH cũng chưa tính toán đầy đủ trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người, con người là một bộ của giới tự nhiên nhưng con người có thể cải tạo giới tự nhiên để phục vụ mình. Ph.Ăngghen chỉ rõ: “Chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác như một người sống ở bên ngoài giới tự nhiên” [3, tr. 385]. Do vậy, con người, NNL có vai trò rất quan trọng trong ứng phó với BĐKH, nó chi phối các nguồn lực tự nhiên, vật chất, tài chính, xã hội. Để ứng phó với BĐKH cần phải có những con người phù hợp, có sự hiểu biết về sự phức tạp, khó lường của BĐKH; cần phải có đủ số lượng, cơ cấu phù hợp; có đủ phẩm chất và năng lực thực tế, kiến thức, kỹ năng, khả năng làm việc; trình độ văn hóa, học vấn; giới tính, độ tuổi lao động... Nếu các yếu tố này hội đủ thì việc tạo lập phát triển kinh tế bền vững ứng phó với BĐKH mới đạt hiệu quả cao.

### **2.3. Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ**

Trong Văn kiện Đại hội XIII, Đảng ta xác định: “Đẩy mạnh phát triển NNL, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người” [5, tr. 231]. Trong *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Đảng đã xác định mục tiêu về phát triển NNL biển: “Đào tạo và phát triển NNL biển, hình thành đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ biển có năng lực, trình độ cao” [6, tr. 4].

Theo đó, để phát triển NNL đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững gắn với ứng phó BĐKH ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ cần chú trọng thực hiện một số giải pháp sau:

#### **2.3.1. Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững gắn với ứng phó biến đổi khí hậu**

Hiện nay, ở Việt Nam nói chung, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng chưa có một kế hoạch, chương trình phát triển NNL đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế gắn với ứng phó BĐKH. Quá trình phát triển NNL đang dựa vào quan điểm, chủ trương chung cho tất cả các lĩnh vực/ngành nên có tình trạng NNL đào tạo ra, sử dụng trong các ngành nghề phát triển kinh tế nhưng am hiểu về BĐKH, ứng phó với BĐKH hạn chế. Do vậy, thời gian đến cần xây dựng kế hoạch phát triển NNL đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế gắn với ứng phó BĐKH. Để xây dựng kế hoạch cần chú trọng công tác thống kê, dự báo về nhu cầu NNL. Công tác thống kê, dự báo phải dựa trên những tính toán số liệu khoa học, thông qua các phương pháp phân tích, đánh giá số liệu để từ đó đưa ra những dự báo chính xác nhằm định hướng phát triển cho hoạt động đào tạo, sử dụng NNL. Trong dự báo cần chỉ ra nhu cầu NNL của từng ngành, lĩnh vực với số lượng cụ thể, yêu cầu bằng cấp, trình độ tương ứng, từ đó có một kế hoạch đào tạo rõ ràng nhằm đáp ứng nhu cầu.

#### **2.3.2. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững gắn với ứng phó biến đổi khí hậu**

Cần chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nhận thức, hiểu biết sâu sắc cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các chủ doanh nghiệp về BĐKH, tác động của BĐKH đến phát triển kinh tế và ứng phó với BĐKH đối với phát triển kinh tế trong quản lý, lãnh đạo chỉ đạo trong quá trình phát triển kinh tế gắn với ứng phó BĐKH. Mở các khóa đào tạo chuyên sâu để nắm bắt quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ứng phó với BĐKH; mở các khóa bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng về ứng phó với BĐKH trong lãnh đạo, quản lý. Đặc biệt, là những kỹ năng cho việc ứng phó với những tình huống thời tiết bất thường xảy ra để tránh những rủi ro thiệt hại không cần thiết.

Các cơ sở đào tạo trên địa bàn cả nước cần chú trọng thay đổi, điều chỉnh, bổ sung những chuyên ngành mới, đặc biệt gắn với BĐKH và ứng phó với BĐKH. Một mặt, trong các ngành đang đào tạo hiện tại nên lồng ghép nhiều hơn các vấn đề về BĐKH, ứng phó với BĐKH, có nghĩa là sinh viên vừa học chuyên ngành cụ thể, đồng thời trong quá trình đó cũng học kiến thức về BĐKH, ứng phó với BĐKH. Mặt khác, mở các chuyên ngành mới liên quan đến BĐKH, ứng phó BĐKH như: ngành khoa học dự báo BĐKH; ngành khoa học chuyên sâu về các yếu tố của BĐKH và tác động của nó đến phát triển kinh tế; ngành về ứng phó BĐKH trong các lĩnh vực, ngành cụ thể... Gắn với đó, lựa chọn đào tạo các chuyên gia chuyên sâu, chuyên gia tư vấn về lĩnh vực này. Trong quá trình xây dựng, đào tạo những ngành khoa học mới này vừa sử dụng nội lực trong nước nhưng đồng thời chú trọng hợp tác quốc tế. Bằng con đường hợp tác, giao lưu giữa các nhà nước với nhau hoặc liên kết, hợp đồng với các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước với các quy định cụ thể về quyền lợi, trách nhiệm để thu hút đầu tư và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư. Tăng cường hợp tác với các quốc gia có cam kết hợp tác với chúng ta để gửi học sinh đến học tập với kinh phí ưu đãi.

Cần đẩy mạnh phối hợp giữa nhà trường với doanh nghiệp trong đào tạo NNL. Đặc biệt thu hút sự tham gia một cách chủ động từ đầu của các xí nghiệp, doanh nghiệp trong khâu xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo và thực tập nghề nghiệp cũng như chính sách sử dụng đầu ra hợp lý và hiệu quả là công việc cần thiết. Thực tế hiện nay cho thấy, một bộ phận không ít nhân lực không đáp ứng yêu cầu công việc của doanh nghiệp, một trong những nguyên nhân là sự liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp chưa được chú trọng. Nhà trường có thể giỏi về lý thuyết nhưng về thực hành và thực tế công việc thì không thể bằng doanh nghiệp. Do vậy, tăng cường kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và bồi dưỡng, tạo điều kiện để người học có điều kiện cọ xát và trải nghiệm thực tế cũng như mở rộng cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi ra trường và đặc biệt hơn nữa bắt sự ứng phó với ĐDKH mà doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đang cần là yêu cầu cần thiết.

### 2.3.3. Tăng cường thu hút nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững gắn với ứng phó biến đổi khí hậu

Hiện nay, NNL có sự hiểu biết chuyên sâu về ĐDKH, ứng phó với ĐDKH ở nước ta rất “khan hiếm”. Do vậy, cùng với thu hút, trọng dụng nhân tài trong nước cần chú trọng thu hút nguồn nhân lực trên lĩnh vực này từ nước ngoài, đặc biệt là Việt kiều. Cần xây dựng có chế, chính sách thông thoáng phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của các chuyên gia, nhân tài, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho những nhân tài Việt kiều có nguyện vọng, có điều kiện về thăm quê hương, tham gia các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, chia sẻ chuyên môn, kinh nghiệm về ĐDKH và ứng phó với ĐDKH. Đối với những nhà khoa học Việt kiều có nguyện vọng định cư hoặc làm việc lâu dài ở Việt Nam cần tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để họ làm việc, sinh sống.

Tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, cơ sở vật chất để thu hút các nhà khoa học trên thế giới, các tổ chức nghiên cứu khoa học đến liên kết, hợp tác trong nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân tài về ĐDKH và ứng phó với ĐDKH. Đối với những nhân tài xuất chúng mà Việt Nam đang cần thì có thể trả lương tương đương hoặc cao hơn mức lương họ đang hưởng để thu hút họ đến chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao trí tuệ, công nghệ.

### 3. Kết luận

Hiện nay ở Việt Nam nói chung và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng đang chịu tác động mạnh mẽ của ĐDKH. Những hiện tượng cực đoan của ĐDKH đã tác động phát triển kinh tế bền vững, gây ra những thiệt hại lớn trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Đứng trước hoàn cảnh đó, các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ đã có nhiều chính sách, biện pháp để ứng phó. Tuy nhiên, cũng còn nhiều hạn chế, bất cập, trong đó đặc biệt là thiếu hụt NNL trong lĩnh vực này. Điều đó đặt ra đối với Vùng trong thời gian tới cần chú trọng phát triển NNL để phục vụ cho ứng phó với ĐDKH. Bài viết bước đầu gợi mở một số giải pháp như: xây dựng kế hoạch phát triển NNL đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững gắn với ứng phó ĐDKH; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng NNL đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững gắn với ứng phó ĐDKH; tăng cường thu hút NNL đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững gắn với ứng phó ĐDKH. Thực hiện tốt các giải pháp trên sẽ phát triển được NNL đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững gắn với ứng phó ĐDKH ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ thời gian tới.

#### Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Tài Nguyên và Môi trường (2022). *Báo cáo kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.

[2] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020). *Báo cáo Tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực năm 2020*, Hà Nội.

[3] C. Mác và Ph. Ăng-ghen Toàn tập (tập 20, 2002). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[4] Ban Chấp hành Trung ương (2022). *Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 03/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, tr. 1.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập 1)*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[6] Ban Chấp hành Trung ương (2018). *Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.